

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH B**

Bản án số: 13/2022/HSST

Ngày: 02/6/2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH B**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Sáu

2/ Bà Kim Thị Sà Mết

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Ông Thạch Hoàng Thi – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2022/TLST- HS ngày 04 tháng 4 năm 2022 đối với bị cáo:

Lê Đoàn Trung N, sinh năm 1999. Tên gọi khác: Bì Nài. Tại B. Nơi cư trú: Khóm 7, phường Láng Tròn, thị xã G, tỉnh B. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Hoàng T và bà Đoàn Thị Tuyết M; Bị cáo chưa có vợ; Tiền sự: Không. Tiền án: 03 tiền án, cụ thể:

+ Ngày 19/8/2018 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh B tuyên phạt 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 16/7/2020, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B tuyên phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Ngày 06/8/2020, bị Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh B tuyên phạt 06 tháng 15 ngày tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị khởi tố ngày 12/11/2021. Bị cáo đang chấp hành Bản án số 09/2022/HSST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B tại Trại giam C và được trích xuất về Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh B để phục vụ cho công tác xét xử (có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1977 (có đơn vắng mặt)

Địa chỉ: Hẻm 2, đường C, khóm 9, phường 1, thành phố B, tỉnh B.

Anh Trịnh Văn V, sinh năm 1973 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện V, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bị cáo Lê Đoàn Trung N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện V tỉnh B truy tố hành vi phạm tội như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 22 giờ 00 ngày 14/3/2021, bị cáo Lê Đoàn Trung N và người bạn tên Đương (Không rõ địa chỉ) gặp nhau tại tiệm game bắn cá gần cầu X thuộc Phường Láng T, thị xã G, tỉnh B. Tại đây Đương rủ bị cáo N đi tìm tài sản của người khác lấy trộm, bị cáo N đồng ý và đưa xe mô tô nhãn hiệu Wave (không rõ biển số) do N mượn của bà Đoàn Thị Tuyết M(mẹ ruột N) để Đương chở N đi theo Quốc lộ 1A về hướng huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng rẽ vào đường đi chợ Ông Kho để vòng qua địa bàn xã V, huyện V, tỉnh B. Đến rạng sáng ngày 15/3/2021 Đương phát hiện nhà ông Trịnh Văn V thuộc ấp T, xã V, huyện V, tỉnh B đang sáng đèn và mở cửa sổ, bên trong có dựng 01 xe mô tô hiệu Wave, màu xanh. Đương đi vào dùng khúc gỗ nhét được bên lề đường để cạy cửa chính và lấy trộm xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, biển kiểm soát 94K1-772.19 của ông Trịnh Văn V, đến sáng cùng ngày Đương đưa xe lấy trộm được của anh Việt cho N. N điều khiển xe trộm được đến khu vực chợ P, thuộc huyện P, tỉnh B, cầm xe trộm được cho người tên Linh Khùng (không biết họ tên, địa chỉ) với giá 5.000.000 đồng. Sau đó bị cáo N chia cho Đương số tiền 2.500.000 đồng, còn lại 2.500.000 đồng bị cáo N dùng để tiêu xài cá nhân.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh B xác định: Tại thời điểm ngày 15/3/2021, xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, biển kiểm soát 94K1-772.19 có giá trị 13.706.000 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 07 giờ 00 ngày 03/4/2021, bị cáo Lê Đoàn Trung N và người bạn tên Dự (không rõ họ tên cụ thể) gặp nhau tại Phường 8, thành phố B, tỉnh B. Khi đó, Dự rủ bị cáo N đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm, N đồng ý và dùng xe hiệu Exciter, màu đỏ (không rõ biển kiểm soát) của Dự chở Dự đi trên Quốc lộ 1A hướng từ thành phố B, tỉnh B về huyện V, tỉnh B. Khi đến phía trước nhà của anh Nguyễn Minh T, thuộc ấp T, C, huyện V, tỉnh B, thì bị cáo N nhìn thấy xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen-xanh, biển kiểm soát 94H2-7878 của anh Thức đang dựng phía trước cổng rào, trên xe có cắm sẵn chìa khóa và không người canh giữ. Bị cáo N dùng xe lại đưa xe cho Dự điều khiển còn N đi vào dẫn xe của anh Thức ra chạy về hướng thị xã G, tỉnh B, sau đó mang đến gửi tại nhà của Nguyễn Vũ L, cư trú: Khóm 1, Phường H, thị xã G, tỉnh B.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 13/KL-HĐĐGTS, ngày 07/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh B xác định: Tại thời điểm ngày 3/4/2021 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu đen-xanh, biển kiểm soát 94H2-7878 có giá trị 10.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bị cáo Lê Đoàn Trung N trộm cắp xe mô tô vào ngày 15/3/2021 tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh B và ngày 03/4/2021 tại ấp T, C, huyện V, tỉnh B là 23.706.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm

sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Lê Đoàn Trung N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh B vẫn giữ N quan điểm truy tố bị cáo Lê Đoàn Trung N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo nội dung Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 31 tháng 3 năm 2022 đã truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Đoàn Trung N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Đoàn Trung N. Xử phạt bị cáo Lê Đoàn Trung N với mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Áp dụng khoản 1, điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 04 năm 06 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HSST ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B. Buộc bị cáo Lê Đoàn Trung N phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 06 năm 06 tháng đến 07 năm tù. Thời hạn chấp hành được tính từ ngày bị cáo chấp hành bản án hình sự sơ thẩm số 09/2022/HSST ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B. Thời hạn tù được tính từ ngày 16/4/2021.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V còn đề nghị giải quyết phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí của vụ án.

Người bị hại ông Nguyễn Minh T đã nhận được tài sản, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự và hình sự đối với bị cáo. Tại phiên tòa người bị hại ông Trịnh Văn V yêu cầu bị cáo N bồi thường thiệt hại cho ông số tiền 13.706.000 đồng. Về trách nhiệm hình sự, ông Việt yêu cầu Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo N.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và lời khai của người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại xuất trình tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Lê Đoàn Trung N đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại ông Trịnh Văn V và anh Nguyễn Minh T để thực hiện hành vi lén lút lấy trộm của anh Trịnh Văn V một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, biển kiểm soát 94K1-772.19, tài sản có giá trị 13.706.000 đồng; lấy trộm của anh Nguyễn Minh T, một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu

đen-xanh, biển kiểm soát 94H2-7878, tài sản có giá trị 10.000.000 đồng. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Lê Đoàn Trung N có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Đoàn Trung N đã đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự và đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng số 11/CT-VKS ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V truy tố bị cáo Lê Đoàn Trung N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Hành vi nêu trên của bị cáo Lê Đoàn Trung N là nguy hiểm cho xã hội, không những thể hiện động cơ tư lợi bất chính, ý thức xem thường pháp luật, trực tiếp xâm hại đến tài sản của anh Nguyễn Minh T và anh Trịnh Văn V được pháp luật bảo vệ, mà còn gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương.

[3] Xét về nhân thân, bị cáo Lê Đoàn Trung N có nhân thân xấu. Hiện bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam C theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B. Theo Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố B xác định bị cáo N phạm tội với tình tiết tăng nặng tái phạm. Tuy nhiên, bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của anh Việt, anh Thức trước ngày thực hiện hành vi phạm tội được Tòa án nhân dân thành phố B xét xử theo bản án số 09/2022/HS-ST ngày 15 tháng 02 năm 2022. Do đó, trong vụ án này, Hội đồng xét xử xác định bị cáo N có 03 tiền án, phạm tội với tình tiết tăng nặng là tái phạm và phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự như ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Ngoài ra, tại phiên tòa, bị cáo Lê Đoàn Trung N xác định, vào ngày 26 tháng 5 năm 2022, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B xét xử tuyên bị cáo 04 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và cướp giật tài sản. Bị cáo Lê Đoàn Trung N không lấy đó làm bài học cho bản thân mà còn liên tục thực hiện hành vi phạm tội, điều đó cho thấy, ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo N là rất kém. Từ đó, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm đối với bị cáo N nhằm để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và đảm bảo cho công tác đấu tranh, phòng chống tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lê Đoàn Trung N đã thành khẩn khai báo. Phần tài sản mà bị cáo N trộm của anh Thức đã thu hồi và giao trả lại cho anh Thức, xem như tài sản của anh Thức chưa gây thiệt hại và anh Thức cũng không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, hình sự đối với bị cáo N. Ngoài ra, tại phiên tòa, anh Việt cũng yêu cầu giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo N. Đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi lượng hình đối với bị cáo.

[4] Đối với người tên Đương đã cùng với bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 15/3/2021 tại ấp T, xã V, huyện V, tỉnh B và người tên Dư cùng với bị cáo N thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 03/4/2021 tại ấp T, C,

huyện V, tỉnh B. Do chỉ biết tên (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) nên chưa đủ cơ sở để xác minh, điều tra, xử lý là có căn cứ.

Đối với người tên Linh Khùng mà bị cáo N khai đã bán chiếc xe Wave của anh Việt do không có tên, họ và địa chỉ cụ thể nên chưa đủ cơ sở để xác minh, điều tra xử lý.

Đối với Nguyễn Vũ L có hành vi cho Lê Đoàn Trung N gửi xe mô tô Honda loại Wave 100S, biển kiểm soát: 94H2-7878, số khung: RLHHA09067Y015262; số máy: HA09E8015262 tại nhà thuộc Khóm 1, Phường H, thị xã G, tỉnh B, đây là xe do bị cáo N lấy trộm của anh Nguyễn Minh T mà có, tuy nhiên Linh không biết xe này do bị cáo N trộm cắp mà có được nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với bà Đoàn Thị Tuyết Mcho bị cáo Lê Đoàn Trung N mượn xe máy loại wave biển số kiểm soát 94AE-001.69, sau đó N dùng phương tiện này để đi trộm cắp tài sản. Tuy nhiên khi mượn xe, N chỉ nói mượn xe đi chơi bà Minh không biết N mượn xe mình để đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V không đề cập xử lý bà Đoàn Thị Tuyết M là phù hợp.

Đối với việc Lê Đoàn Trung N khai nhận cùng đồng bọn thực hiện 01 vụ trộm cắp điện thoại di động tại ấp P, xã L, huyện V, tỉnh B và 01 vụ cướp giật điện thoại di động tại ấp C, xã L, huyện V, tỉnh B, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhưng chưa xác định được bị hại, từ đó chưa có cơ sở xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh B đã tách những hành vi mà bị cáo Lê Đoàn Trung N khai nhận để xác minh, điều tra xử lý sau là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 xe mô tô Honda loại Wave 100S, biển kiểm soát: 94H2-7878 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V tỉnh B đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Nguyễn Minh T nên không đặt ra xem xét.

+ Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, biển kiểm soát 94K1-772.19 mà bị cáo N và người tên Dương trộm của ông Trịnh Văn V, quá trình điều tra bị cáo N khai nhận đã cầm xe nêu trên cho người tên Linh Khùng (không rõ họ tên địa chỉ cụ thể) chỉ biết ở chợ P thuộc huyện P, tỉnh B. Do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh B không thu hồi được do đó không có cơ sở xử lý là có căn cứ.

+ Đối với 01 khúc gỗ Dương nhặt được bên lề đường dùng cạy cửa nhà anh Trịnh Văn V để trộm tài sản sau khi cạy cửa Dương để ở đâu bị cáo N không biết nên không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Minh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự. Đối với anh Trịnh Văn V yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại. Căn cứ kết luận giám định số 13/KL-HĐĐGTS ngày 07/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, tỉnh B xác định: Tại thời điểm ngày 15/3/2021, xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn xanh – đen – bạc, biển kiểm soát 94K1-772.19 có giá trị 13.706.000 đồng. Từ

đó, có căn cứ buộc bị cáo Lê Đoàn Trung N bồi thường cho anh Việt số tiền 13.706.000 đồng.

[7] *Về án phí*: Buộc bị cáo Lê Đoàn Trung N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo Lê Đoàn Trung N còn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch 5% đối với số tiền bị cáo N có nghĩa vụ bồi thường cho anh Việt, số tiền án phí là 685.300 đồng (*Sáu trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm đồng*) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Đoàn Trung N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56, Điều 104 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Đoàn Trung N 02 (hai) năm tù. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù đối với tội “Cướp giết tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản tại Bản án số 09/2022/HS-ST ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B. Buộc bị cáo Lê Đoàn Trung N chấp hành hình phạt chung 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày 16/4/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào các điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Lê Đoàn Trung N bồi thường cho anh Trịnh Văn V số tiền 13.706.000 đồng (*mười ba triệu bảy trăm lẻ sáu nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh B khi án có hiệu lực pháp luật.

4. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23; điểm b khoản 1 Điều 24, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lê Đoàn Trung N phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra, bị cáo Lê Đoàn Trung N còn phải chịu số tiền án phí dân sự có giá ngạch là 685.300 đồng (*Sáu trăm tám mươi lăm nghìn ba trăm đồng*), nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Lợi khi bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bị cáo Lê Đoàn Trung N và người bị hại anh Trịnh Văn V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại anh Nguyễn Minh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- VKSND huyện V;
- THADS huyện V;
- Công an huyện V;
- VKSND tỉnh B
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi